



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 10 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Hóa sinh**
Medical Testing Laboratory *Department of Biochemistry*
Cơ quan chủ quản: **Bệnh viện đa khoa Trung Ương Quảng Nam**
Organization: *Quang Nam National General Hospital*
Lĩnh vực xét nghiệm: **Hoá sinh**
Field of medical testing: *Biochemistry*
Người phụ trách/ Representative: **Nguyễn Anh Dũng**
Số hiệu/ Code: **VILAS Med 108**

Hiệu lực công nhận/ Period of Accreditation: Từ ngày /10/2025 đến ngày 20/10/2030

Địa chỉ/ Address: **Thôn Nam Sơn, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng**
Nam Son village, Nui Thanh commune, Da Nang City

Địa điểm/Location: **Thôn Nam Sơn, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng**
Nam Son village, Nui Thanh commune, Da Nang City

Điện thoại/ Tel: **0235.3870390**

Email: **anhdunglab@gmail.com**

Website: **www.bvtwqn.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 108

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hoá sinh**

Discipline of medical testing: **Biochemistry**

TT	Loại mẫu (chất chống đông- nếu có) <i>Type of sample (anticoagulant-if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Huyết thanh, huyết tương (Serum, plasma) (NaF or Lithium Heparin)	Xác định lượng Glucose <i>Determination of Glucose</i>	Enzym, đo quang <i>(Enzym, photometric)</i>	QTKT 72 (DxC AU700) (2025)
2.	Huyết thanh, huyết tương (Heparine) Serum, plasma (Heparine)	Xác định lượng ALT <i>Determination of ALT</i>	Động học Enzym <i>(Enzym kinetic)</i>	QTKT 66 (DxC AU700) (2025)
3.		Xác định lượng Aspartate aminotransferase (AST) <i>Determination of Aspartate aminotransferase (AST)</i>	Động học Enzym <i>(Enzym kinetic)</i>	QTKT 67 (DxC AU700) (2025)
4.		Xác định lượng Albumin <i>Determination of Albumin</i>	Enzym, đo quang <i>(Enzym, photometric)</i>	QTKT 68 (DxC AU700) (2025)
5.		Xác định lượng Creatinin <i>Determination of Creatinin</i>	Động học Enzym <i>(Enzym kinetic)</i>	QTKT 69 (DxC AU700) (2025)
6.		Xác định lượng Cholesterol <i>Determination of Cholesterol</i>	Enzym, đo quang <i>(Enzym, photometric)</i>	QTKT 70 (DxC AU700) (2025)
7.		Đo hoạt độ GGT <i>Determination of Gamma Glutamyl transferase (GGT)</i>	Động học Enzym <i>(Enzym kinetic)</i>	QTKT 71 (DxC AU700) (2025)
8.		Xác định lượng Protein <i>Determination of Protein</i>	Enzym, đo quang <i>(Enzym, photometric)</i>	QTKT 73 (DxC AU700) (2025)
9.		Xác định lượng Triglycerid <i>Determination of Triglycerid</i>	Enzym, đo quang <i>(Enzym, photometric)</i>	QTKT 74 (DxC AU700) (2025)
10.		Xác định lượng Ure <i>Determination of Urea</i>	Động học Enzym <i>(Enzym kinetic)</i>	QTKT 75 (DxC AU700) (2025)

Ghi chú/ Note:

- QTKT: Phương pháp nội bộ của PXN/ *Laboratory developed method*
- Trường hợp Khoa Hóa sinh cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Chemistry department that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*